

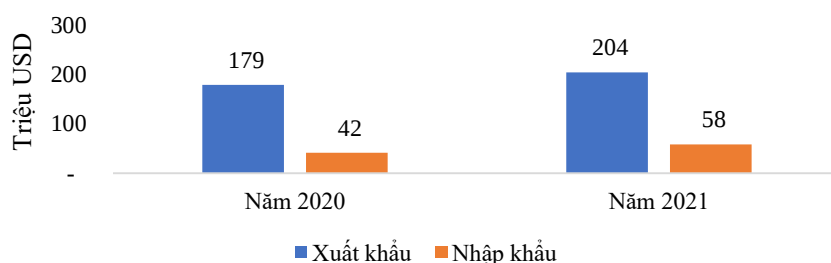
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

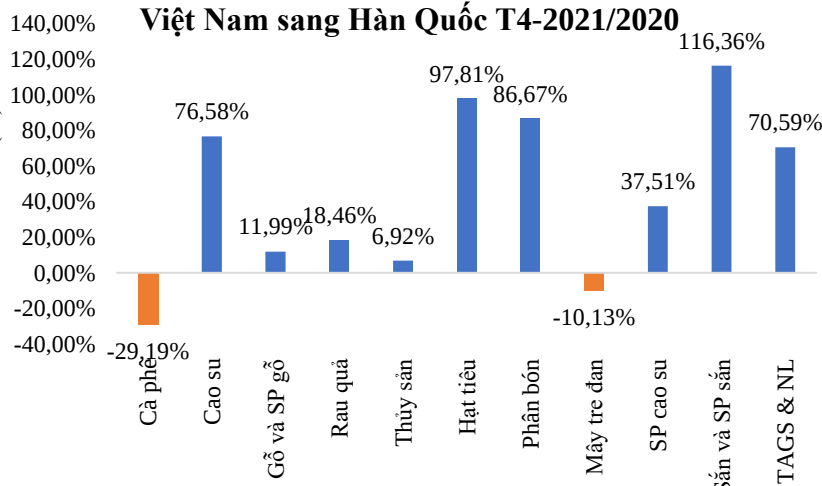
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc
T4-2021/2020**



**So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam –
Hàn Quốc
T4-2021/2020**

Xuất khẩu	▲ 14,16 %
Nhập khẩu	▲ 40,53 %

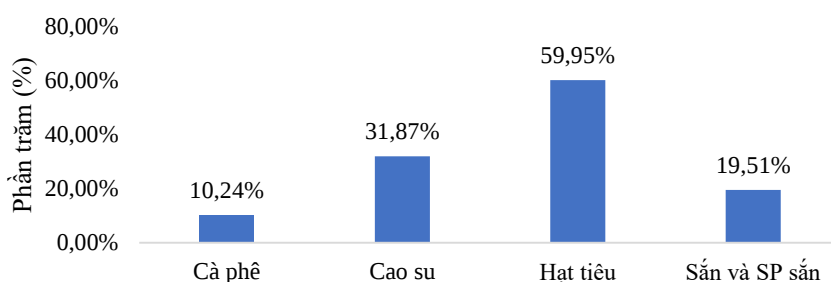
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của
Việt Nam sang Hàn Quốc T4-2021/2020**



So sánh T4-2021/2020

Cà phê	▼ 29,19%
Cao su	▲ 76,58%
Gỗ và SP gỗ	▲ 11,99%
Hàng rau quả	▲ 18,46%
Hàng thủy sản	▲ 6,92%
Hạt tiêu	▲ 97,81%
Phân bón	▲ 86,67%
Mây tre đan	▼ 10,13%
SP từ cao su	▲ 37,51%
Sắn và SP sắn	▲ 116,36%
TAGS & NL	▲ 70,59%

Biến động giá xuất khẩu bình quân T4-2021/2020



**So sánh giá xuất khẩu BQ
T4-2021/2020**

Cà phê	▲ 10,24%
Cao su	▲ 31,87%
Hạt tiêu	▲ 59,95%
Sắn và SP sắn	▲ 19,51%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) ngày 27/5 nâng triển vọng tăng trưởng kinh tế của nền kinh tế lớn thứ tư châu Á năm 2021 thêm 1 điểm phần trăm so với ước tính trước đó ba tháng, lên khoảng 4%. Ngoài ra, BoK cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng năm 2022 tăng thêm 0,5 điểm phần trăm lên 3%.

BoK hạ thấp tỷ lệ lãi suất xuống mức thấp hiện nay vào tháng 5/2020 để giải quyết tình trạng suy thoái kinh tế trong bối cảnh bùng phát đại dịch COVID-19. Ngoài ra, BoK cũng nâng dự báo lạm phát năm 2021 tăng thêm 0,5 điểm phần trăm lên 1,8% và giữ nguyên tỷ lệ lạm phát năm 2022 ở mức 1,4%.

Đà phục hồi của kinh tế của Hàn Quốc đã có dấu hiệu tăng tốc nhờ xuất khẩu phục hồi mạnh mẽ. Trong quý 1/2021, kinh tế Hàn Quốc đã tăng 1,6% so với ba tháng trước đó, cao hơn mức tăng 1,2% trong quý 4/2020.

Theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc, thu nhập bình quân của các hộ nông dân tại quốc gia này đã ghi nhận mức cao kỷ lục 40.300 USD trong năm 2020, tăng 9% so với mức thu nhập năm 2019, và tăng tới 20% so với năm 2016. Trợ cấp của Chính phủ tới trực tiếp các hộ nông dân được cho là yếu tố quan trọng tạo nên mức tăng trưởng này. Trong năm 2020, trung bình mỗi hộ nông dân tại Hàn Quốc nhận được 14,2 triệu won tiền trợ cấp của Chính phủ. Thu nhập từ các hoạt động nông nghiệp đã tăng 15% so với 2019 lên mức 11,8 triệu won trong năm 2020, do những nỗ lực của Chính phủ để bình ổn giá thị trường của một số nông sản chính, đặc biệt là gạo. Dưới tác động của dịch COVID-19, lợi nhuận bình quân của các hoạt động phi nông nghiệp, bao gồm du lịch, đã giảm 4,1% so với năm 2019 và đạt 16,6 triệu won.

Cũng theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc, xuất khẩu nho các loại của quốc gia này năm 2020 đạt 30,7 triệu USD tăng 35% so với năm 2019 ở mức 22,8 triệu USD. Trong 4 tháng đầu năm 2021, xuất khẩu nho Hàn Quốc ước đạt 7,2 triệu USD, tăng gần 50% so với cùng kỳ năm trước. Công nghệ mới giúp bảo quản nho mẫu đơn (loại nho chiếm 89% thị phần xuất khẩu của Hàn Quốc) tới 5 tháng, so với mức khoảng 3 tháng trước đây được cho là một trong những yếu tố giúp tăng mạnh kim ngạch xuất khẩu nho của Hàn Quốc.

Theo Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại (Bộ Công Thương), trong tháng 2/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,34 triệu USD, tăng 197,9% so với tháng 1 và tăng 256,5% so với cùng kỳ năm 2020. Với giá trị như trên, Hàn Quốc chiếm 19,3% tổng giá trị xuất

khẩu thịt trong tháng 2 của Việt Nam. Đây là mức xuất khẩu cao nhất từ trước đến nay đối với sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc. Sản phẩm xuất nhiều nhất trong tháng 2 là chân gà, chân vịt đông lạnh, chiếm 77,3% tổng giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam sang Hàn Quốc.

Trong 2 tháng đầu năm 2021, Hàn Quốc đã tăng cường nhập khẩu sản phẩm từ gia cầm để bù đắp cho nguồn cung trong nước đang bị ảnh hưởng bởi dịch cúm gia cầm từ cuối năm ngoái. Bên cạnh đó, trong tháng 2, Việt Nam cũng khẩu một số sản phẩm phẩm khác sang thị trường Hàn Quốc như ếch thịt, thịt chế biến.

Tháng 04/2021, Việt Nam xuất khẩu 204,2 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 41,1%, thứ hai là thủy sản với 32,7%, rau quả chiếm 7,6%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ có 2 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là cà phê và mây tre đan, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2020.

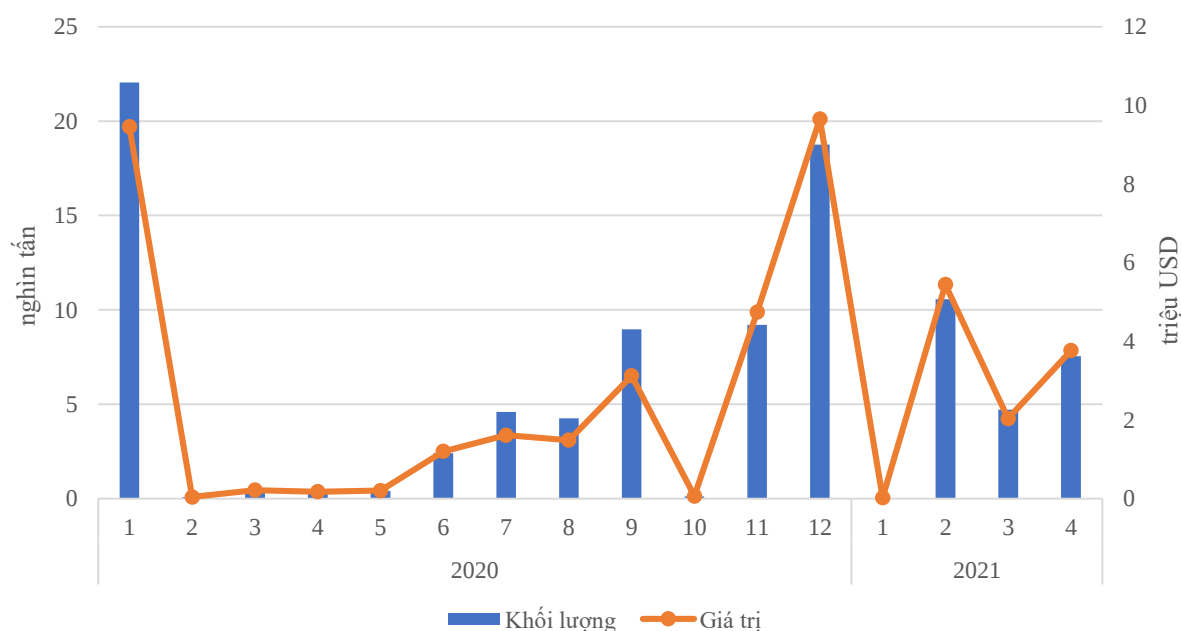
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 5/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2021 vẫn được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, giảm khoảng 15 nghìn tấn so với năm ngoái.

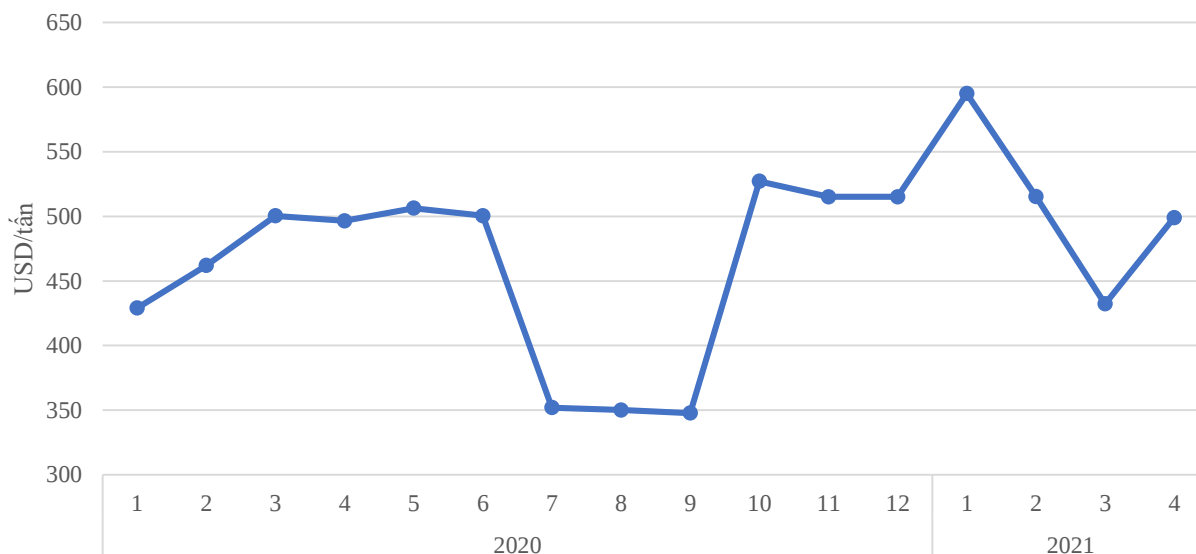
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 7,5 nghìn tấn gạo, trị giá 3,8 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng 60,1% về khối lượng và 84,8% về giá trị so với tháng trước; và tăng rất cao so với mức 0,4 nghìn tấn và 0,2 triệu USD so với cùng kỳ năm 2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong 4 tháng đầu năm 2021 đạt 22,9 nghìn tấn gạo, trị giá 11,3 triệu USD, giảm 0,3% về khối lượng nhưng tăng 13,9% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

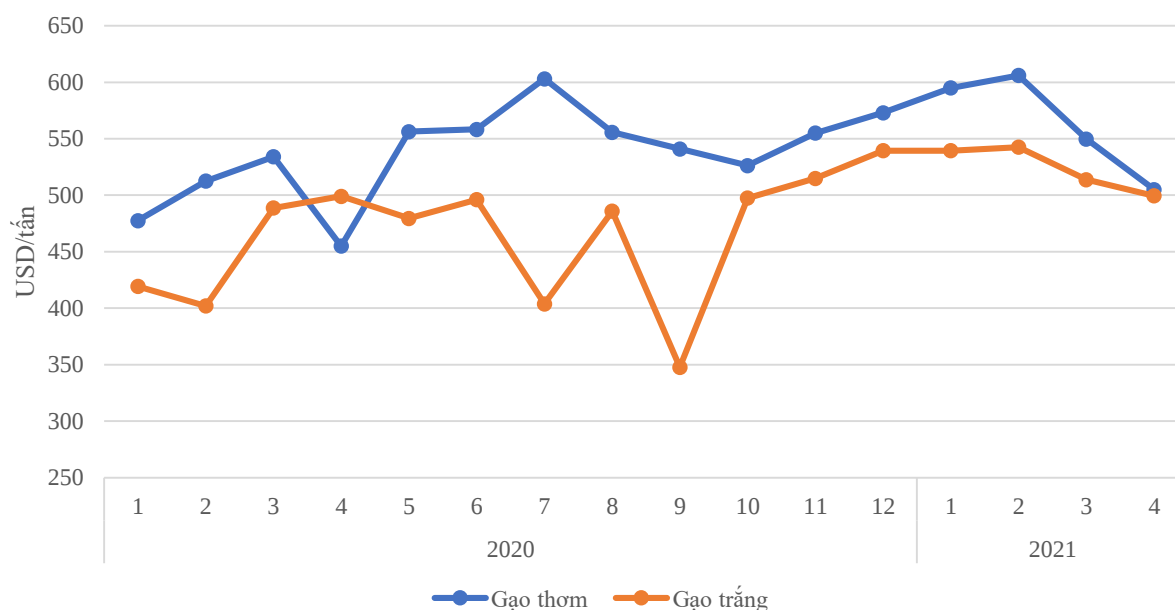
Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 4/2021 đạt 499,0 USD/tấn, tăng 15,4% so với tháng trước và 0,5% so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,7% về khối lượng và 99,7% về giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc, còn lại là gạo thơm.

Giá xuất khẩu gạo trắng tháng 4/2021 đạt trung bình 499,5 USD/tấn, giảm 2,8% so với tháng trước nhưng tăng 0,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Còn giá gạo thơm đạt 505,0 USD/tấn, giảm 8,1% so với tháng trước nhưng tăng 11,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, có 2 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP Xuất Nhập khẩu Kiên Giang và Công ty TNHH Khánh Tâm. Tỷ trọng của hai công ty này lần lượt là 99,4% và 0,6% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 4/2021. So với cùng kỳ năm 2020, Công ty CP Xuất Nhập khẩu Kiên Giang và Công ty TNHH Khánh Tâm đều không xuất khẩu sang thị trường này trong tháng 4/2020 nhưng có xuất khẩu trong tháng 4/2021.

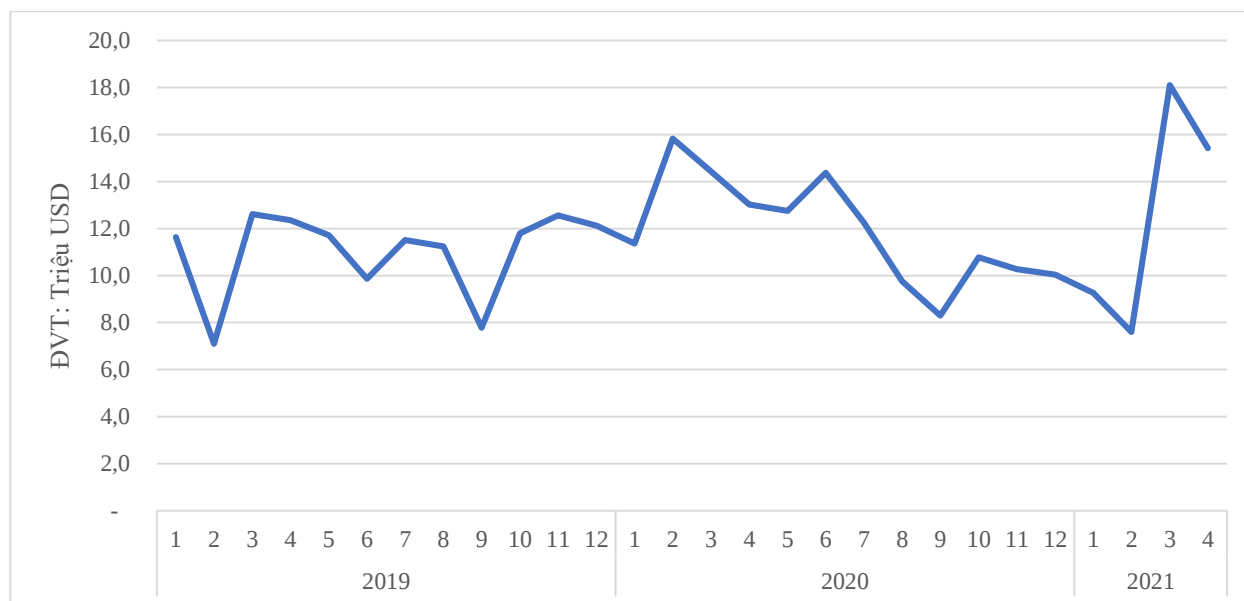
2. RAU QUẢ

Theo báo cáo về triển vọng diện tích canh tác năm 2021 của Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc, diện tích trồng táo giảm 3% so với năm trước do chuyển đổi sang loại cây trồng khác; diện tích trồng hồng giảm 2% do số lượng cây trồng già cỗi, thiếu nhân lực và chuyển đổi cây trồng; diện tích trồng nho tăng 2% do mở rộng trồng nho Shine Musket; diện tích trồng đào giảm 1% do chuyển đổi cây trồng sang trồng nho và chặt phá các cây già cỗi.

Theo dự báo của Viện Kinh tế Nông thôn Hàn Quốc, nhập khẩu chuối và dưa của Hàn Quốc trong tháng 5 tăng so với cùng kỳ năm trước do việc nới lỏng các lệnh phong tỏa ở quốc gia nhập khẩu chính là Philippine; nhập khẩu bơ tăng do tiêu thụ nội địa tăng.

Theo Báo cáo xu hướng cung cầu sản phẩm nông nghiệp, chăn nuôi, và các biện pháp đối phó của Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc, giá hành tây giảm mạnh so với tháng 4 hàng năm (12,4%) do sản lượng hành tây trồng sớm tăng lên; giá bắp cải Trung Quốc vốn được duy trì ở mức cao so với trung bình hàng năm do thiệt hại từ đợt lạnh vào tháng 1, đang dần được ổn định do chính phủ giải phóng kho dự trữ (1.110 tấn) trong tháng 4 và vụ bắp cải xuân, theo dự kiến giá sẽ bắp cải trở lại bình thường sau tháng 5.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 4 năm 2021 đạt 15,4 triệu USD, chiếm 3,8% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 14,8 so với tháng trước (đạt 18,1 triệu USD) và tăng 18,5% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 13,0 triệu USD). Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 50,4 triệu USD, giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 54,6 triệu USD).

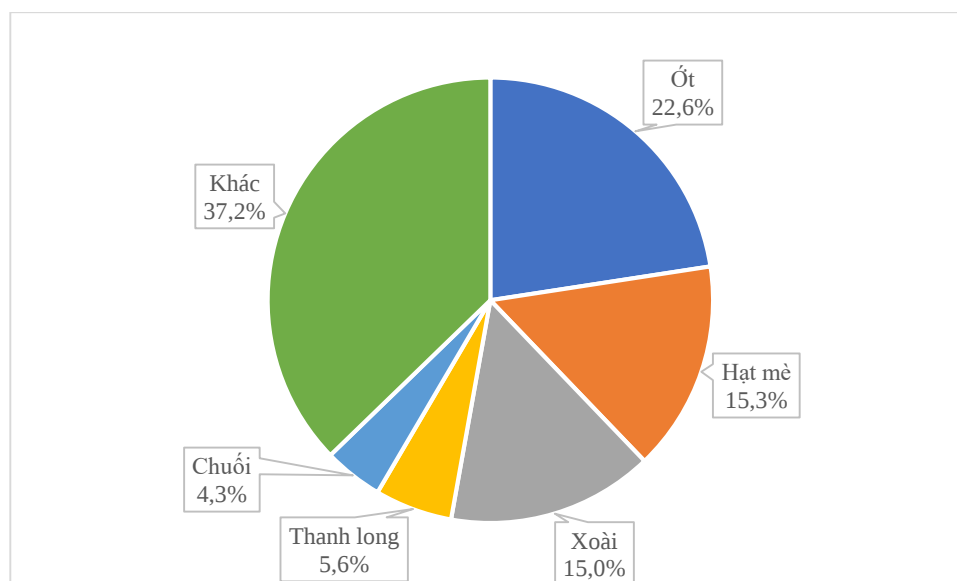
Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 4 năm 2021, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 9,2 triệu USD (chiếm 59,6% thị phần, tăng 37,6% so với cùng kỳ năm 2020) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,2 triệu USD (chiếm 40,4% thị phần, giảm 1,7%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 4,1 triệu USD (tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 1,1 triệu USD (giảm 24,2%); (iii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 665,9 nghìn USD (giảm 27,0%); ...

Trong tháng 4 năm 2021, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm ớt đạt 3,5 triệu USD (chiếm 22,6% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 40,4% so với cùng kỳ năm 2020); hạt mè đạt 2,4 triệu USD (chiếm 15,3%, tăng 9,0%); xoài đạt 2,3 triệu USD (chiếm 15,0%, tăng 22,7%); thanh long đạt 867,9 nghìn USD (chiếm 5,6%, tăng 237,3%); chuối đạt 663,3 nghìn USD (chiếm 4,3%, tăng 18,2%); ...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 3 năm 2021



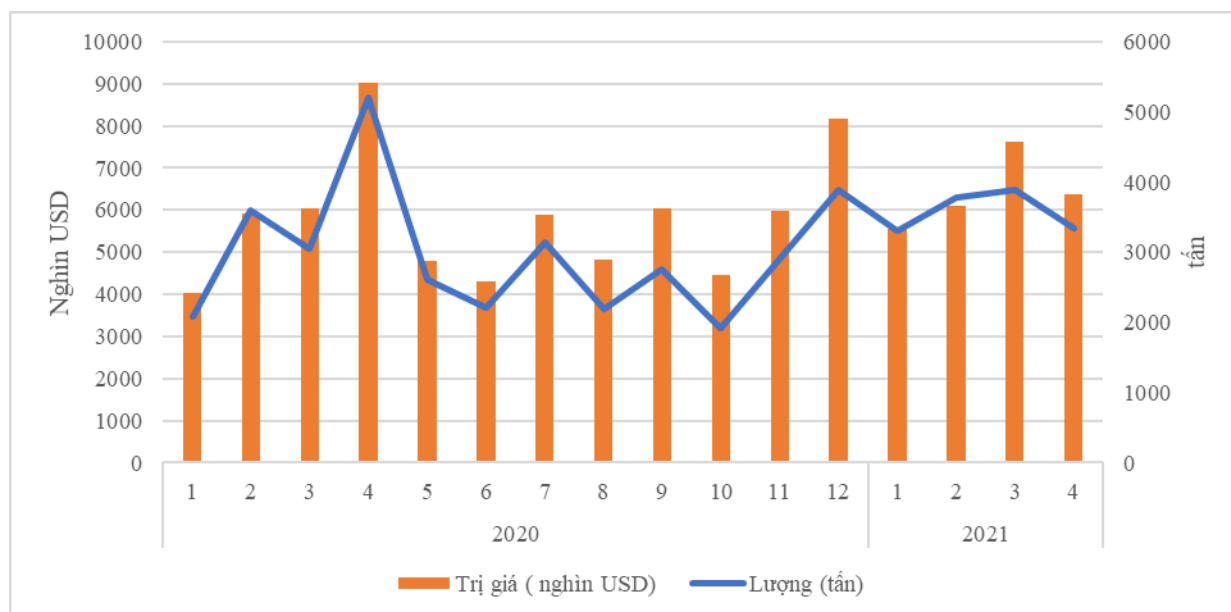
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 4 năm 2021 đạt 2,7 triệu USD, chiếm 2,5% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, giảm 17,9% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 2,3 triệu USD). Tính chung bốn tháng đầu năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 14,8 triệu USD, giảm 1,6% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 15,0 triệu USD). Trong tháng 4/2021, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là rong biển đạt 1,2 triệu USD (chiếm 43,7%, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm 2020); dâu tây đạt 650,4 nghìn USD (chiếm 24,1%, tăng 24,9%); nấm các loại đạt 247,6 nghìn USD (chiếm 9,2%, tăng 49,7%); ...

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam với thị phần xuất khẩu lần lượt là 12,9%; 4,9% và 4,6%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina tăng 2,6%, Công ty TNHH Thực phẩm quốc tế Giavico tăng 112,7% và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam tăng 47,1%.

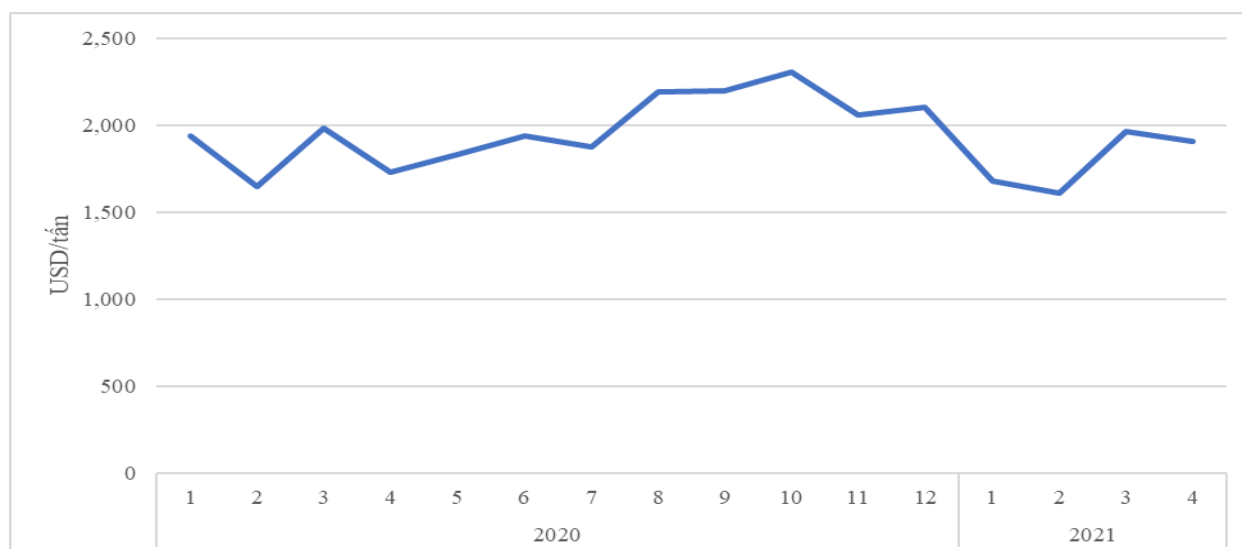
3. CÀ PHÊ

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 4/2021 đạt 3,3 nghìn tấn, trị giá 6,3 triệu USD, giảm 13,76% về lượng và về lượng và giảm 16,19 % về giá trị so với tháng trước. So với cùng kỳ tháng 4/2020, xuất khẩu cà phê giảm 35,8 % về lượng và giảm 29,19% về giá trị.

Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4/2021, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 1.909 USD/tấn, giảm 2,82 % so với tháng 3/2021 và giảm 10,24 % so với cùng kỳ tháng 04/2020.

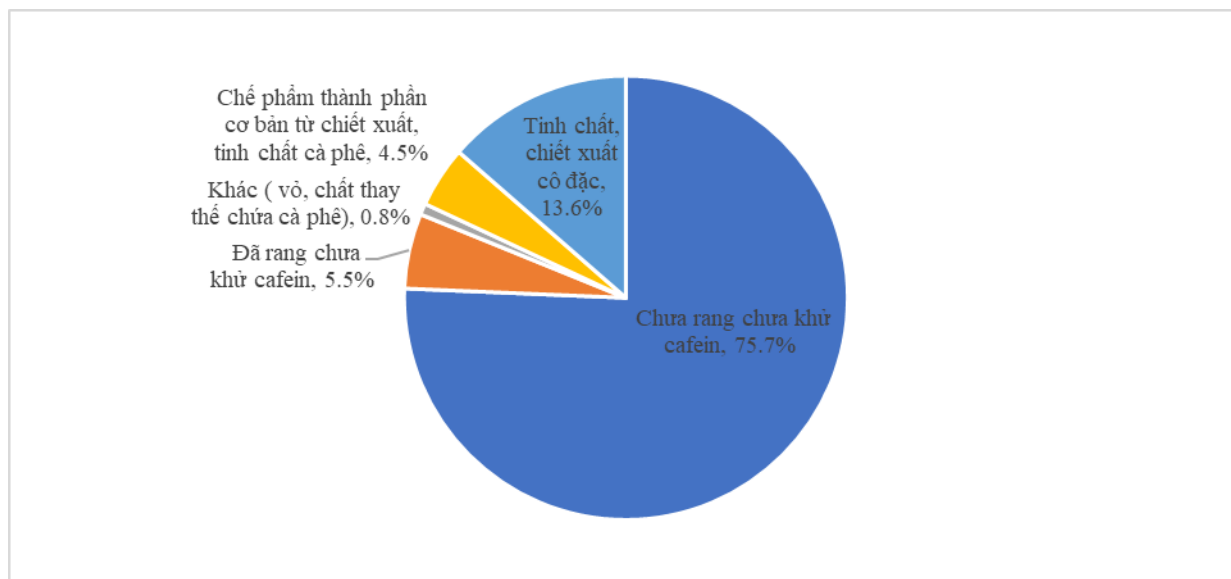
Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân chiếm tỷ trọng 81,14%, cà phê chế biến chiếm tỷ trọng 18%, tỷ trọng cà phê chế biến giảm 14% so với tháng trước nhưng tăng 3,06% so với cùng kỳ tháng 4 năm 2020. Cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 4/2021 cụ thể như sau:

Cà phê chưa rang, chưa khử caffein đạt 4,8 triệu USD, chiếm tỷ trọng 75,67%, giảm 32,45% so cùng kỳ. Cà phê đã rang, chưa khử caffein đạt 349 nghìn USD, chiếm tỷ trọng 5,47%, giảm 0,44% so với cùng kỳ. Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê đạt 284 nghìn USD, chiếm 4,46%, giảm 35,6% so với cùng kỳ. Tinh chất, chiết xuất cô đặc đạt 868 nghìn USD, chiếm 13,58%, giảm 4,59% so cùng kỳ. Đáng chú ý, tháng 4/2021, Việt Nam không xuất khẩu mặt hàng cà phê đã khử caffein như thời gian trước.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc, Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công Ty TNHH Sucafina Việt Nam với thị phần lần lượt là: 20,66 %; 10,64% và 10,75%.

Về tình hình thị trường cà phê tại Hàn Quốc

Theo báo cáo “Triển vọng kinh tế” công bố ngày 31/5, Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế Hàn Quốc năm 2021 đạt 3,8%, cao hơn 0,5% so với mức dự báo 3,3% đưa ra hồi tháng 3 vừa qua. OECD đã hạ tốc độ tăng trưởng kinh tế của Hàn Quốc trong năm 2022 xuống 2,8%, thấp hơn 0,3% so với dự báo hồi tháng 3.

Quỹ tăng trưởng có chủ quyền của Singapore GIC Private Ltd. có kế hoạch mua lại 30% cổ phần của Starbucks Hàn Quốc với giá khoảng 800 tỷ won (710 triệu USD) từ Tập đoàn Starbucks, hiện sở hữu một nửa quán cà phê lớn nhất tại Hàn Quốc. Starbucks có khả năng sẽ bán 20% cổ phần còn lại cho E-Mart, công ty đã sở hữu 50% cổ phần của Starbucks Hàn Quốc, cuối cùng sẽ sở hữu 70% nếu thỏa thuận đạt

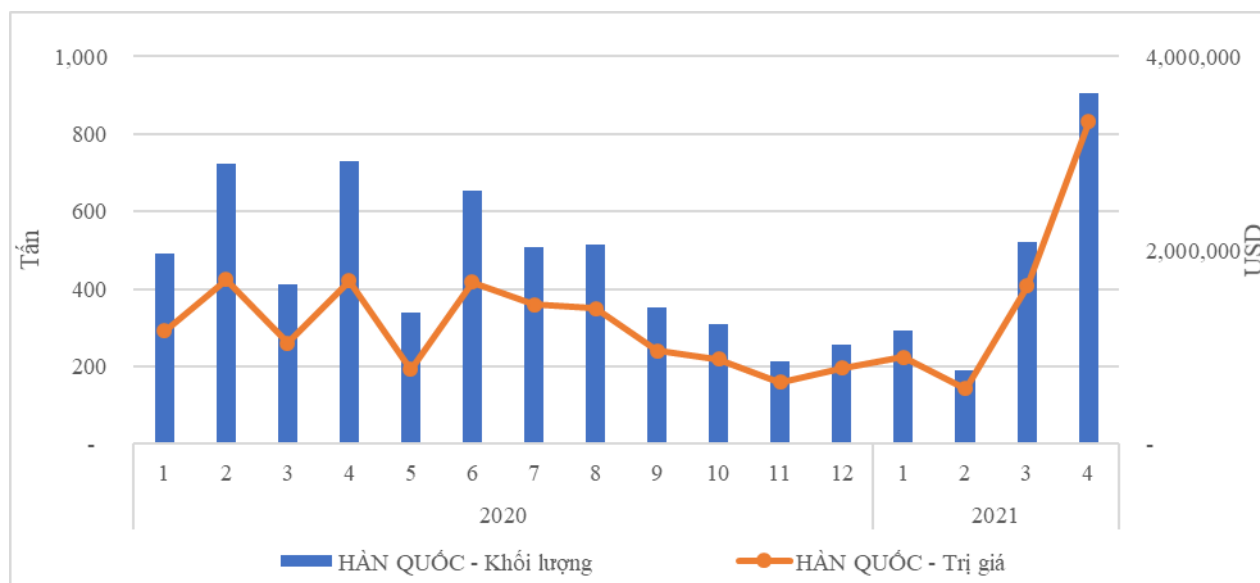
được. Shinsegae đang xem xét các cách để sở hữu hoàn toàn Starbucks Hàn Quốc khi sở thích cà phê của người Hàn Quốc tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh chóng. Năm 2020, nhập khẩu cà phê của nước này đã tăng lên mức kỷ lục 176.648 tấn, tăng 28% so với năm trước đó. Starbucks Hàn Quốc, được thành lập vào năm 1997 với tư cách là liên doanh 50:50 giữa E-Mart và Starbucks Corp., mở chi nhánh đầu tiên vào năm 1999 và đã mở rộng lên 1.503 chi nhánh vào tháng 12 năm ngoái. Doanh thu của Starbucks Hàn Quốc hiện đã vượt quá 10% tổng doanh thu của Starbucks trên toàn cầu, nhưng tỷ suất lợi nhuận hoạt động của nó thấp hơn mức trung bình toàn cầu. Starbucks hiện đang nắm giữ thị phần nhượng quyền cà phê cao nhất tại Hàn Quốc, vượt qua doanh thu 1 nghìn tỷ won (885 triệu USD) vào năm 2016 và duy trì tốc độ tăng trưởng hơn 20% qua các năm từ 2017 đến 2019, lần lượt là 26%, 20,5% và 22,8%.

Năm ngoái, Starbucks Hàn Quốc đã tạo ra lợi nhuận hoạt động là 164,4 tỷ won trên doanh thu 1,93 nghìn tỷ won.

4. HỒ TIÊU

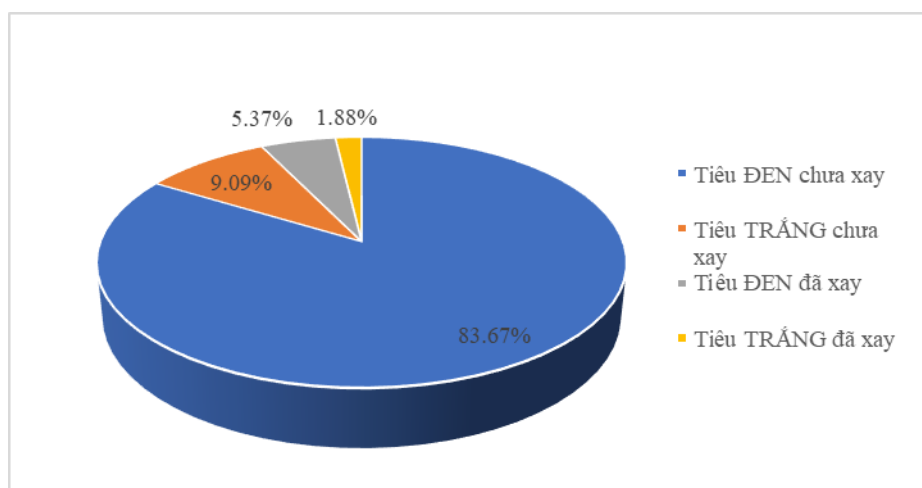
Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, trong quý 1 năm 2021, Hàn Quốc đã nhập khẩu 1 nghìn tấn hồ tiêu Việt Nam, giảm 20,7% so với quý 1 năm 2020 và bằng 21,92% so với tổng kim ngạch hồ tiêu của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường này. Tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm được ưa chuộng nhất, chiếm 57,77% tổng kim ngạch hồ tiêu xuất vào thị trường này, xếp sau là tiêu trắng chưa xay, chiếm 20,05%, và tiêu đen đã xay, chiếm 18,58%. Xét trong quý 1/2021, Hàn Quốc vẫn nằm trong nhóm các quốc gia nhập khẩu hồ tiêu thấp của Việt Nam, chiếm 2,25% tổng kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 904 tấn hồ tiêu với trị giá 3,33 triệu USD, tăng 118,89% về khối lượng và tăng 219,69% về giá trị so với tháng 3/2021 và tăng 23,67% về khối lượng và tăng 97,81% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

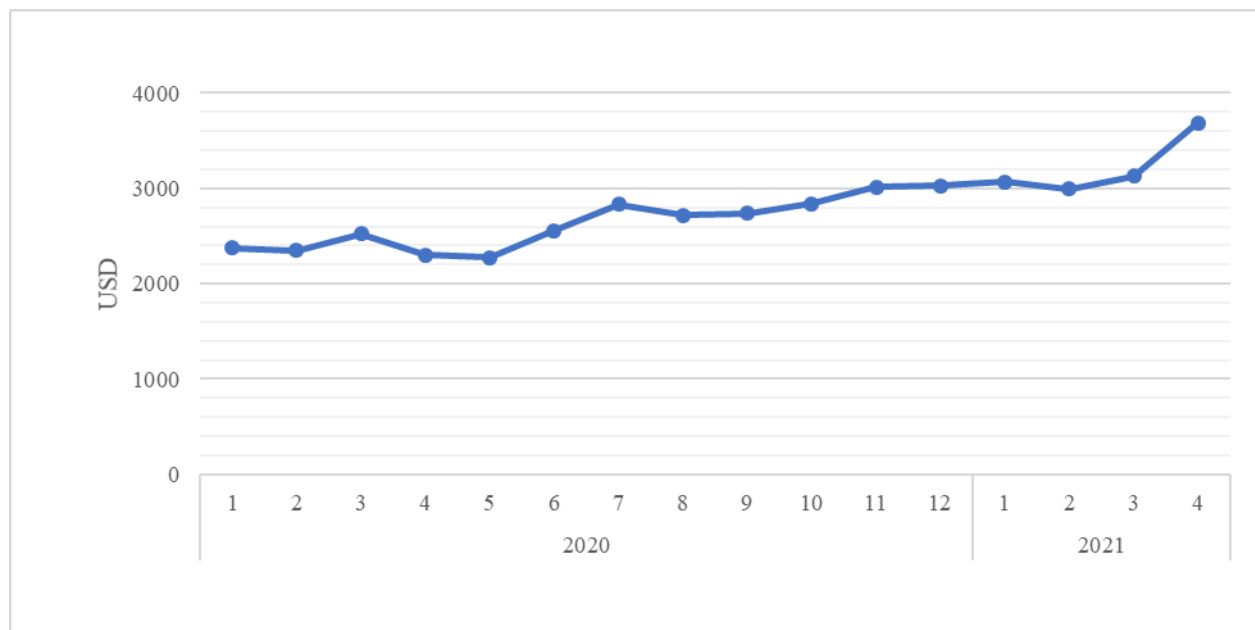
Trong tháng 4/2021, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 83,67% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 15,97% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước. Các sản phẩm như tiêu trắng chưa xay (chiếm 9,09%), tiêu đen đã xay (5,37%) đều giảm so với tháng trước ở mức lần lượt là (7,02% và 10,13%) và cùng kỳ năm trước (lần lượt là 1,31% và 7,58%). Điều này cho thấy thị hiếu của người tiêu dùng và các doanh nghiệp, cơ sở chế biến của thị trường này chuyển dịch sang sản phẩm tiêu đen chưa xay tương đối nhiều.

Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 03/2021

Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Không chỉ khối lượng xuất khẩu tăng mà giá xuất khẩu của hồ tiêu Việt Nam vào thị trường này cũng tăng. Giá xuất khẩu trung bình tháng 4/2021 đạt 3.683 usd/tấn, tăng 46,1% so với tháng 3/2021 và tăng 60% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

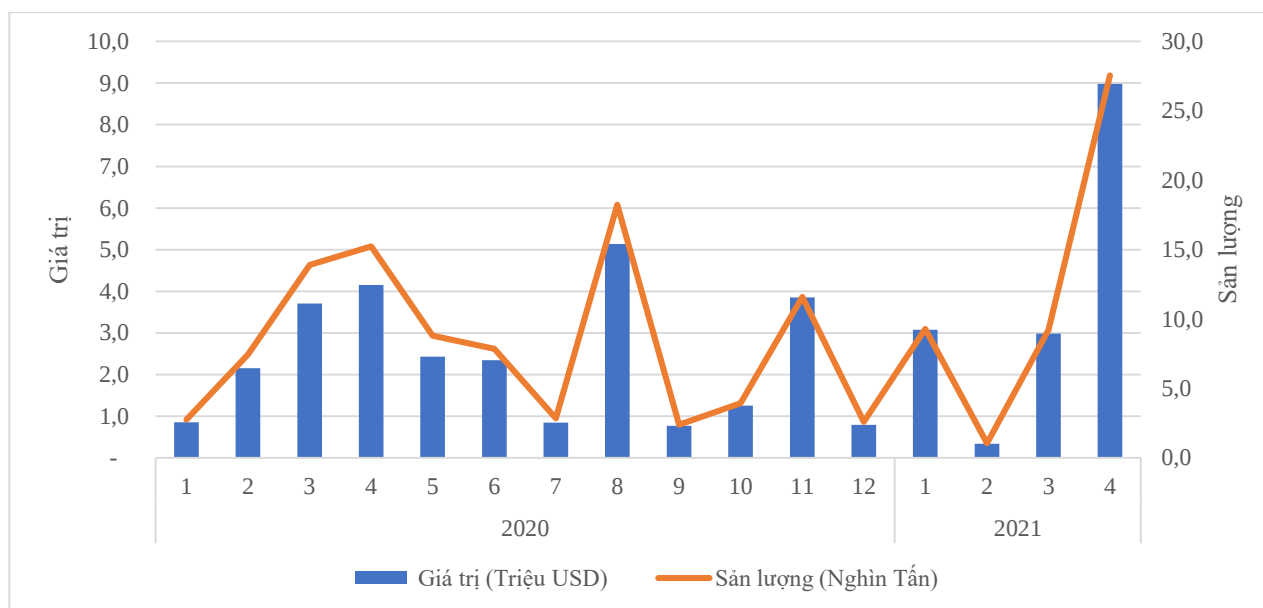


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Trong tháng 4/2021, vẫn giữ vị trí số 1 trong Top 3 công ty xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Ottogi Việt Nam, chiếm 63,59% tổng giá trị hồ tiêu xuất khẩu sang thị trường này, tăng 393,3% so với tháng 3/2021 trước và tăng 358% so với cùng kỳ năm trước. Xếp sau là Công ty TNHH Nam International (8,43%) và Công ty CP XNK Petrolimex (5,79%), đều tăng 92,4% và 25,8% so với cùng kỳ năm trước đó.

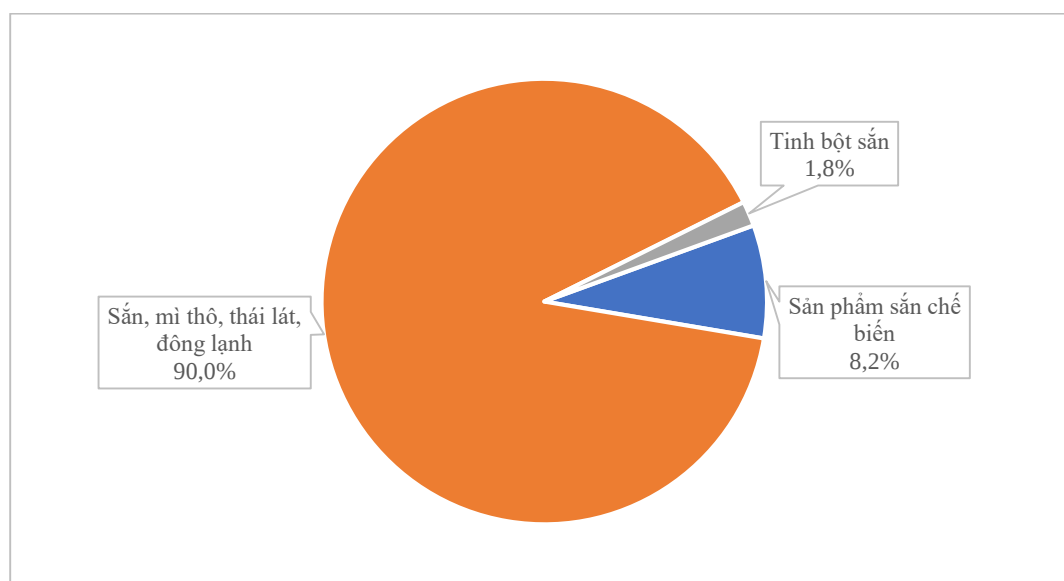
5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 4/2021, Việt Nam xuất khẩu được 27,6 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá gần 9 triệu USD sang thị trường Hàn Quốc, tăng 199,3% về khối lượng và 201,4% về giá trị so với tháng 3/2021; tăng 81,0% về khối lượng và 116,4% về giá trị so với cùng kỳ 2020. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2021 đạt 47,1 nghìn tấn, trị giá 15,4 triệu USD, tăng 19,8% về khối lượng và 41,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2020.

Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 12,9% về khối lượng và 11,2% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 4 năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu sản lát, đông lạnh đạt 8,1 triệu USD, chiếm 90,0% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, tăng 103,0% so với cùng kỳ năm trước; sản phẩm sản chế biến đạt 736,6 nghìn USD (chiếm 10,8%) và tinh bột sản đạt 162,3 nghìn USD (chiếm 1,8%), giảm 4,8%.

Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 4/2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Ngọc, Công ty CP Đầu tư Sáng tạo Á

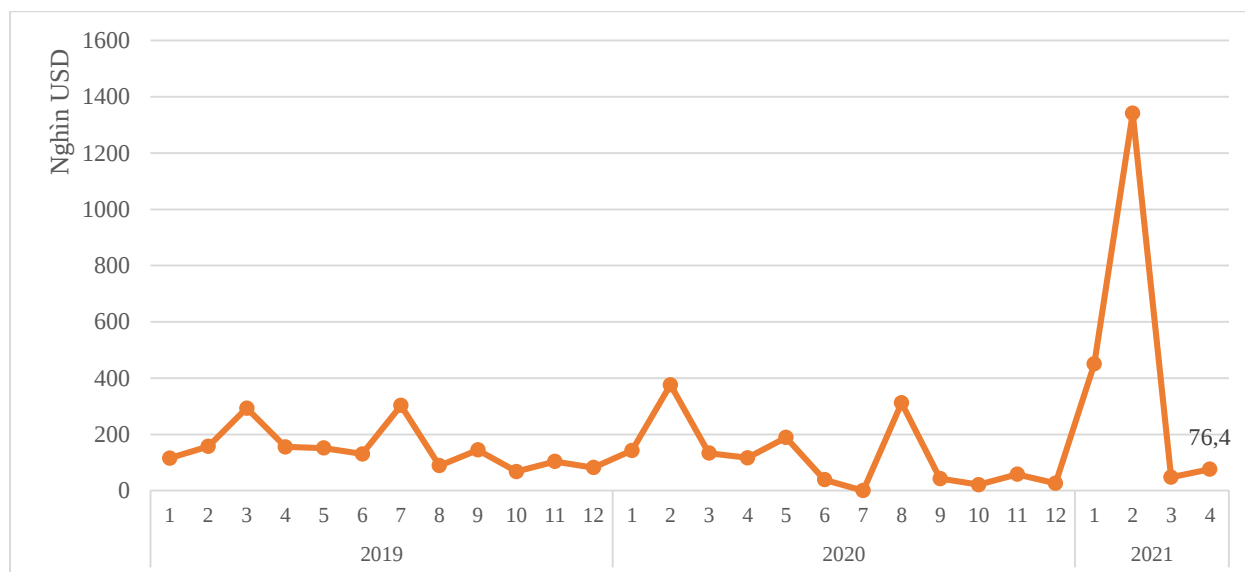
Châu và Công ty CP tinh bột biến tính NTD với tỷ trọng xuất khẩu lần lượt là 66,7%; 23,1% và 8,2%. So sánh với kim ngạch xuất khẩu cùng kỳ năm 2020, Công ty TNHH Thương mại XNK Hoàng Ngọc tăng 281,2%, Công ty CP Đầu tư Sáng tạo Á Châu giảm 13,6%. Trong khi đó, Công ty CP tinh bột biến tính NTD không xuất khẩu trong tháng 4/2020 nhưng đã đẩy mạnh được xuất khẩu trong tháng 4/2021.

6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Theo tờ Chuksannews dẫn nguồn báo cáo của GSnJ, giá bán buôn thịt bò của Hàn Quốc đã tăng trở lại từ tháng 4, đạt mức cao nhất là 21.222 won/kg. Dự báo nhu cầu tiêu thụ thịt bò của Hàn Quốc tăng mạnh khi tháng 5 là tháng có nhiều ngày nghỉ lễ của nước này và mức tiêu dùng thịt bò của các hộ gia đình tăng khi hoạt động ngoài trời bị hạn chế do dịch bệnh. Giá bê của nước này đã tăng từ 3,8 triệu KRW trong tháng 1/2021 lên 4,15 triệu KRW trong tháng 5 và 4,25 triệu KRW trong tháng 5. Tuy nhiên, tờ báo này cũng đưa ra một số nhận định không mấy lạc quan với thị trường thịt của nước này do những khó khăn trong việc kiểm soát cung và cầu của nước này chưa mang lại hiệu quả.

Theo báo Chuksannews, nhập khẩu thịt gà của Hàn Quốc tiếp tục, trong khi dự báo trong nửa cuối năm nước này sẽ tiếp tục dư cung. Theo Chi cục Kiểm dịch nông lâm sản và gia súc Hàn Quốc, số lượng thịt gà đông lạnh được nhập khẩu đã qua kiểm dịch trong tháng 4 của nước này đạt 11.564 tấn, tăng 33,4% so với cùng kỳ năm 2020 (đạt 8.968 tấn) và tăng 33,75 so với tháng trước. Trong đó, nguồn cung cấp chính là từ Brazil, Thái Lan, Hoa Kỳ, với khối lượng nhập tương ứng là 9.914 tấn, 1.556 tấn, và 94 tấn.

Trong tháng 4/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tăng nhẹ so với tháng trước, đạt 76,4 nghìn USD, và giảm 34% so với cùng kỳ năm 2020. Tính tổng 4 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu sản phẩm thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,9 triệu USD, tăng 149% so với cùng kỳ năm 2020. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm thịt ếch và thịt chế biến. Trong đó, chỉ có 2 doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu sản phẩm thịt sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 4 là Công ty cổ phần kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn và Công ty TNHH xuất nhập khẩu VINA WORLD FOOD.

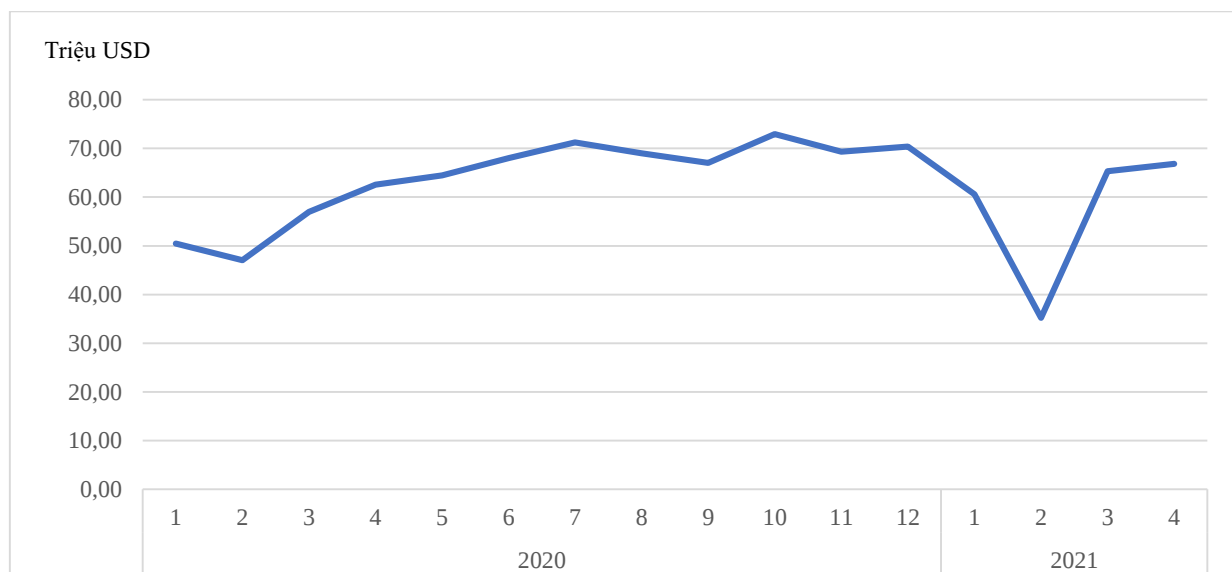
Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 4/2021, Việt Nam đã nhập khẩu 3,89 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc tăng 70,2% so với tháng trước, đưa tổng giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm đạt 13,78 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2020. Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ, chiếm 99,6%.

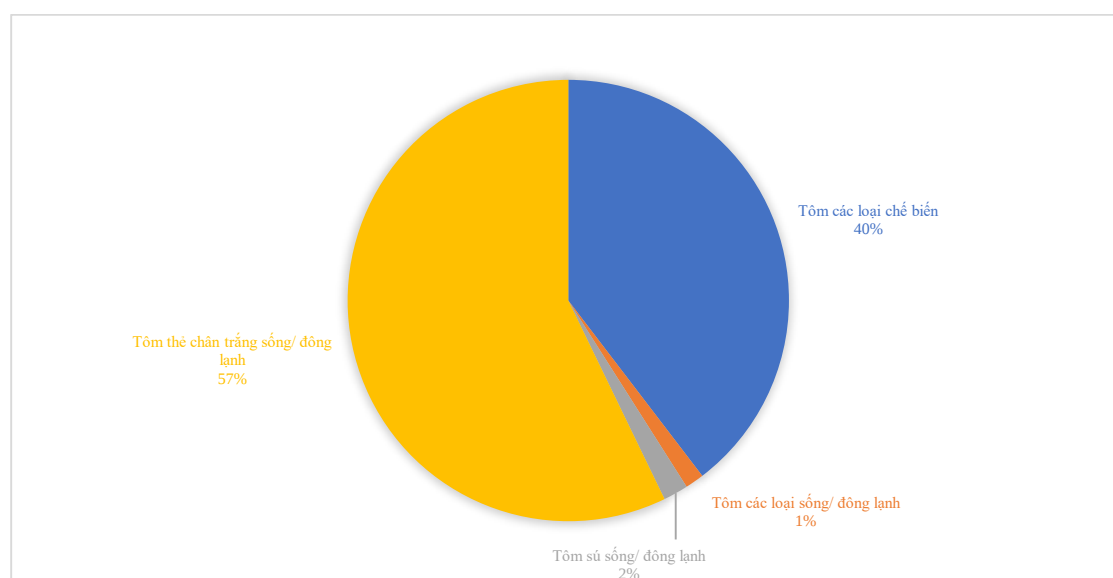
7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 4/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 66,85 triệu USD, tăng 6,9 % so với cùng kỳ năm 2020, chiếm 8,91% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này trong tháng 4/2021 chiếm 45,7% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 31,2%.

Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 4 năm 2021 đạt 30,53 triệu USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2020, và tăng 3,9% so với tháng trước. Giá trị xuất khẩu tôm tháng vẫn duy trì được đà tăng trưởng dương. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh là mặt hàng xuất chủ yếu sang thị trường này. Cụ thể: Giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh đạt 17,46 triệu USD, chiếm 57,2% tổng giá trị tôm xuất khẩu, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước. Giá trị xuất khẩu tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,56 triệu USD, chiếm 1,8%, tăng 125%; tôm các loại chế biến đạt 12,09 triệu USD, chiếm 39,6%, tăng 4,6%; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 0,42 triệu USD, chiếm 1,4%, giảm 35,9%.

Hình 16: Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 4/2021

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 4 năm 2021 đạt 20,83 triệu USD, tăng 10,7% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh chiếm 89,4%, đạt 18,63 triệu USD, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm 2020; Mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,20 triệu USD, chiếm 10,6%, giảm 43,3%.

Tháng 4/2021, một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc như sau: Cá da trơn đạt 0,21 triệu USD, chiếm 0,3% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu, tăng 117,3% so với cùng kỳ năm trước; cá ngừ đạt 0,29 triệu USD, chiếm 0,4%, tăng 50,7%; cá rô phi đạt 0,43 triệu USD chiếm 0,6%, tăng 59,4%; Cua, ghẹ đạt 0,04 triệu USD, chiếm 0,1%; giảm 80,7%; Thủy sản khác đạt 14,52 triệu USD, chiếm 21,7%, giảm 3,5%.

Tháng 4/2021, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với tháng 4/2020. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,33 USD/kg, tăng 9%; Cua, ghẹ đạt 5,11 USD/kg, tăng 13,2%; cá rô phi đạt 2,78 USD/kg, tăng 48,8%; Mực và bạch tuộc đạt 8,48 USD/kg, giảm 19,4%.

Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 3/2021

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	2,78	48,8%	14,0%
2	Cá rô phi	2,73	-4,3%	2,0%
3	Cua, ghẹ	5,11	13,2%	-5,6%
4	Mực và bạch tuộc	8,48	-19,4%	-8,9%
5	Tôm	8,33	9,0%	3,1%

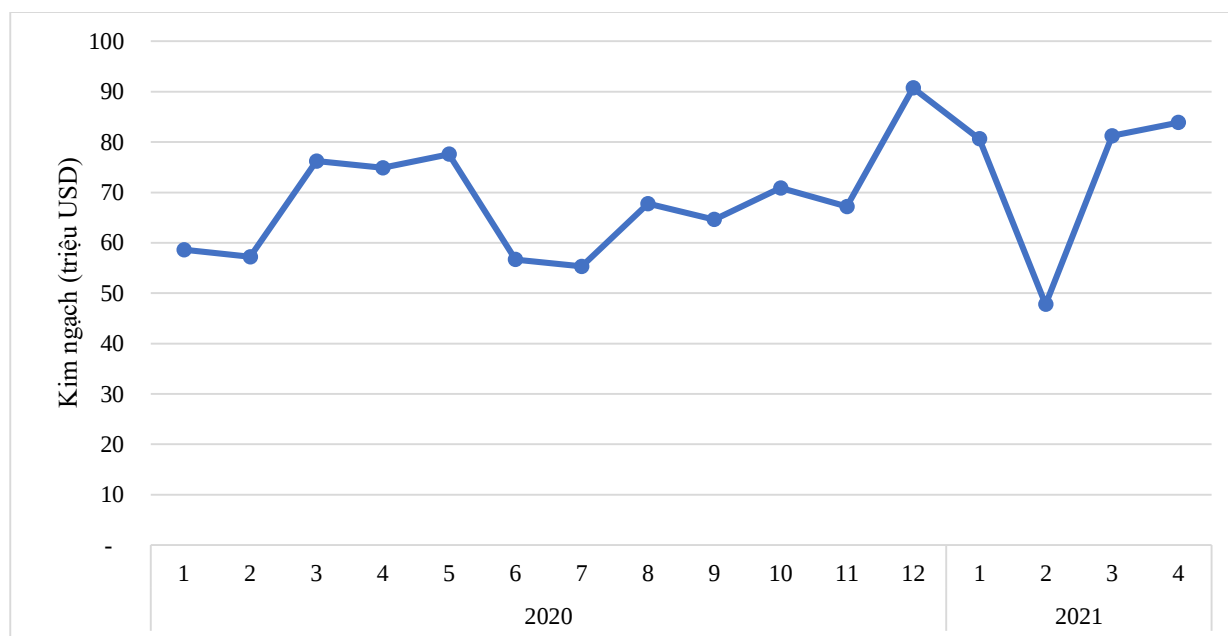
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 4 năm 2021, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chên biển và dịch vụ thủy sản Cà Mau chiếm 5,5% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty cổ phần thủy sản Hải Việt chiếm 4,03%; Công ty thủy sản Minh Phú – Hậu Giang chiếm 4,01%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 83,9 triệu USD, tăng 3,3% so với tháng trước và 12,0% so với cùng kỳ năm 2020.

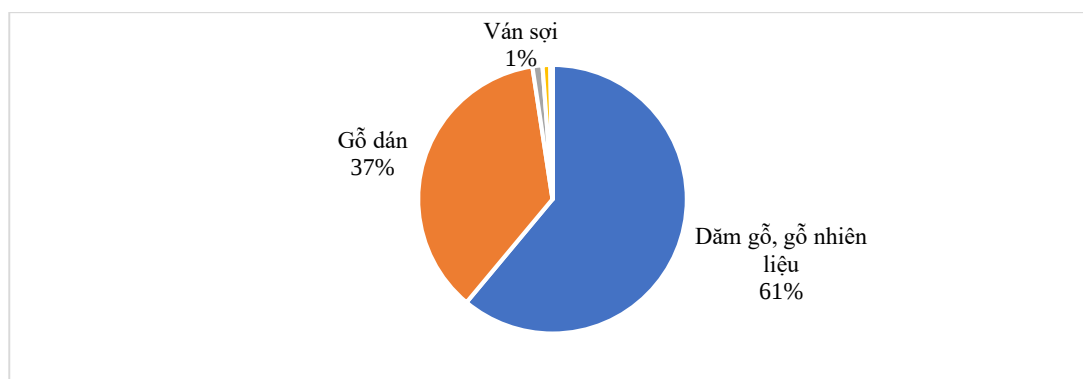
Hình 17: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 04/2021, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 32,8 triệu USD, chiếm 61,1% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 19,6 triệu USD, chiếm 36,5% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 1,2% và 0,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 18: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 04/2021



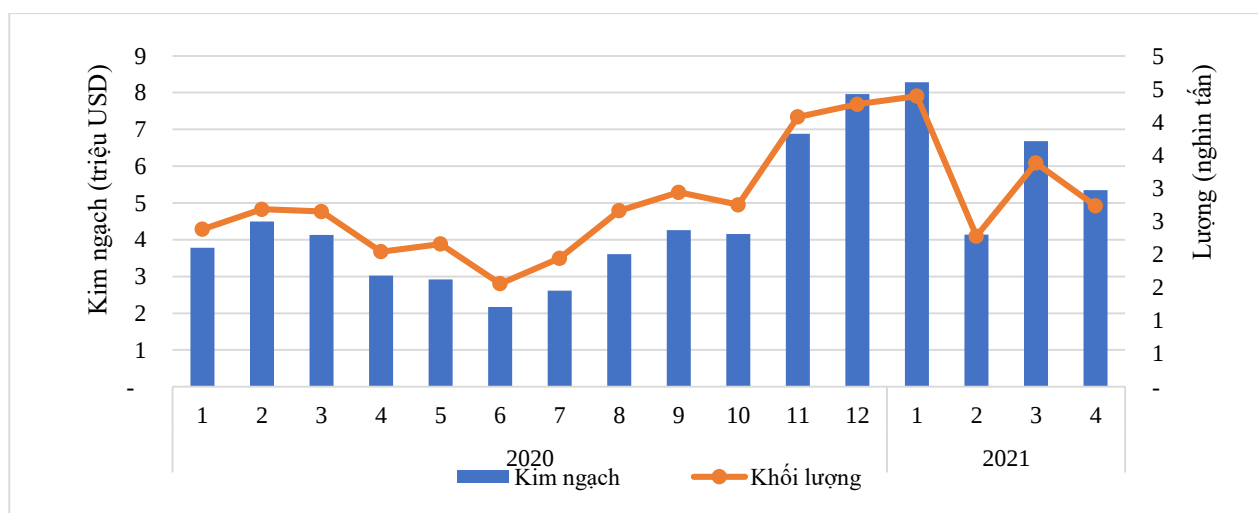
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Hoàng Đại Vương, Công ty TNHH Liên doanh Nguyên liệu Giấy Quảng Nam và Công ty CP Eastwood Energy. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 12,1%, 8,2% và 6,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 04/2021.

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 04/2021, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 2,7 nghìn tấn với trị giá 5,3 triệu USD, giảm 19,2% về khối lượng và 20,0% về giá trị so với tháng trước, và tăng 33,9% về khối lượng và 76,6% về giá trị so với cùng kỳ 2020.

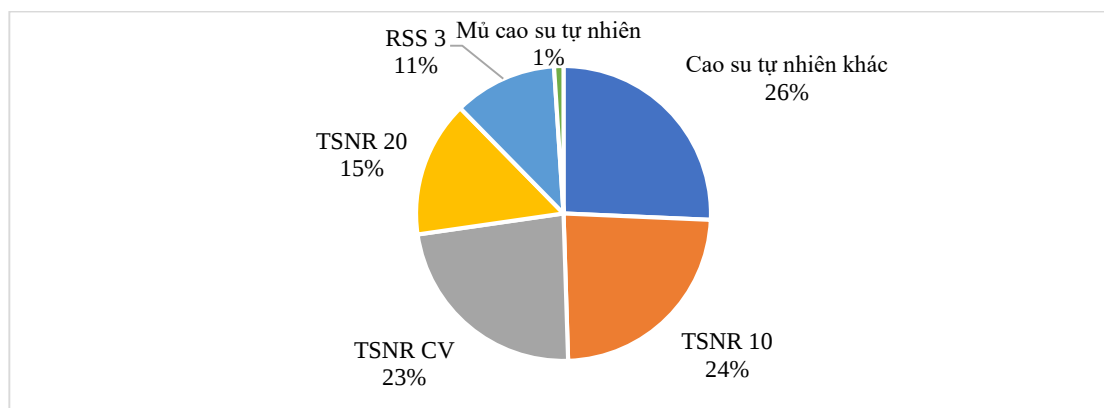
Hình 19: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,3 triệu USD, chiếm 23,8% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 1,2 triệu USD, chiếm 23,2% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và RSS 3 chiếm lần lượt 14,9% và 11,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

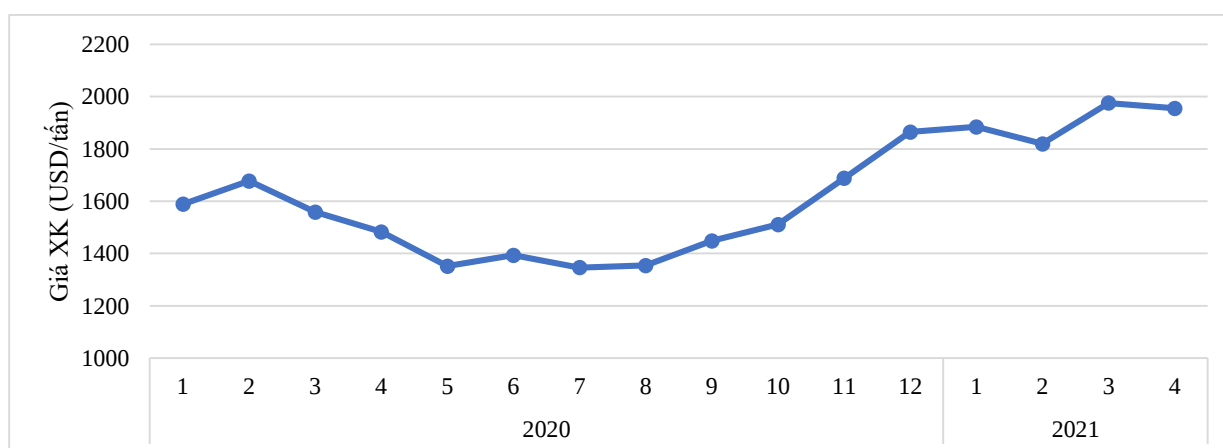
Hình 20: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 04/2021



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.956 USD/tấn trong tháng 04/2021, giảm 1,0% so với tháng trước, và tăng 31,9% so với cùng kỳ 2020.

Hình 21: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 04/2021, top 3 công ty xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc là Công ty CP XNK Tổng hợp Bình Phước, Công ty TNHH MTV Thắng Thắng Lợi, Công ty Cổ phần Southland – Đỗ Nguyễn. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt 14,9%, 11,0% và 9,3% tổng kim ngạch cao su xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 04/2021.

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Hàn Quốc đang tiến hành thử nghiệm việc gieo lúa bằng máy bay không người lái. Công nghệ mới này sẽ đóng góp giúp làm giảm lượng khí thải carbon (khoảng 32%), chi phí lao động (tích kiệm khoảng 1.068 USD/ha) và thời gian làm việc. Máy bay không người lái có thể gieo diện tích 991 m² trong vòng 10 phút, trong khi máy cơ khí hiện tại sẽ mất khoảng 80 phút. Công nghệ này còn có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh dân số nông thôn tại Hàn Quốc đang già đi nhanh chóng với tỷ lệ khoảng 44,7% nông dân trên 65 tuổi. Việc tăng cường áp dụng cơ giới hóa là nỗ lực của nước này trong việc đẩy mạnh sản xuất lúa gạo trở lại. Tuy nhiên trong ngắn hạn, nhằm đảm bảo nhu cầu nội địa trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, nước này sẽ vẫn cần nhập khẩu thêm nhiều gạo để đảm bảo an ninh lương thực.

2. Cà phê

Theo dự báo của trang Statista, doanh thu mảng cà phê tại Hàn Quốc sẽ đạt 12.647 triệu USD vào năm 2021. Thị trường dự kiến sẽ tăng trưởng hàng năm 8,04% (CAGR 2021-2025). Tiêu thụ bình quân đầu người dự kiến sẽ lên tới 1,7 kg/ người vào năm 2021. Đến năm 2025, 89% chi tiêu và 27% sản lượng tiêu thụ trong phân khúc Cà phê sẽ là do tiêu dùng ngoài gia đình (ví dụ: tại các quán bar và nhà hàng).

Thị trường cà phê viên nén đang có xu hướng tăng trưởng tốt trong khi doanh thu từ cà phê cốc đang sụt giảm do ảnh hưởng của Covid 19, nhiều cửa hàng cà phê quy mô nhỏ sẽ phải đóng cửa. Tình hình dịch bệnh do Covid-19 tại Hàn Quốc vẫn diễn biến phức tạp, trong ngắn hạn thị trường cà phê ngoài nhà vẫn chưa hồi phục được.

3. Hồ tiêu

Kể từ tháng 3/2021, hồ tiêu của Việt Nam thắng lớn trên thị trường Hàn Quốc với mức tăng trưởng bình quân đạt 144,65% về trị giá và 123,14% về khối lượng cho dù giá hồ tiêu trong nước tăng phi mã kể từ tháng 2/2021, ảnh hưởng tương đối lớn đến giá xuất khẩu. Việt Nam đang đứng thứ hai về kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu vào thị trường này, chỉ sau Trung Quốc, với những khởi sắc trong tháng 3 và 4/2021, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu vào thị trường này của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những tháng tiếp theo.

4. Cao su

Chuỗi cung ứng hàng hóa nói chung và cao su nói riêng tiếp tục bị gián đoạn ở nhiều thời điểm do tình trạng thiếu container, dẫn đến việc giao hàng bị chậm, nguồn cung không đảm bảo, có thể buộc một số công ty ở một số nước sản xuất cao su phải thay đổi chiến lược kinh doanh, hoặc giãn thời hạn giao hàng, hoặc phải tìm kiếm nguồn cung ứng cao su trong nước, mặc dù giá cao hơn cao su nhập khẩu. Bên cạnh đó, làn sóng Covid-19 diễn biến phức tạp, cùng với tiến độ tiêm chủng chậm ở nhiều nước châu Á khác có thể hạn chế sự tăng trưởng nhu cầu cũng như sự phục hồi của giá cao su tại thị trường Hàn Quốc.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 04/2021

STT	Sản phẩm	T4/2021 (USD)	Tăng/giảm so với T4/2020	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	6.389.912	-29,19%	3,13%
2	Cao su	5.344.567	76,58%	2,62%
3	Gỗ và SP gỗ	83.866.998	11,99%	41,08%
4	Hàng rau quả	15.423.450	18,46%	7,55%
5	Hàng thủy sản	66.847.327	6,92%	32,74%
6	Hạt tiêu	3.329.287	97,81%	1,63%
7	Phân bón các loại	494.222	86,67%	0,24%
8	Mây tre đan	2.121.983	-10,13%	1,04%
9	SP từ cao su	8.771.695	37,51%	4,30%
10	Sắn và SP từ sắn	8.978.351	116,36%	4,40%
11	TAGS & NL	2.590.065	70,59%	1,27%
Tổng XK NLTS		204.157.857	14,16%	100,00%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 04/2021**

TT	Loại sản phẩm	Tháng 4/2020		Tháng 4/2021		So sánh 2021/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo trắng	341	169.959	7.524	3.754.620	2109,0%	2109,1%
2.	Các loại gạo khác	20	9.100	24	12.120	20,0%	33,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 4/2021

Mặt hàng	T4/2020	T4/2021	So sánh T4/2020 và T4/2021
Chưa rang chưa khử cafein	7.158.418	4.835.388	-32,45%
Đã rang chưa khử cafein	351.162	349.600	-0,44%
Đã rang đã khử cafein	22.221	-	-100,00%
Khác (vò, chất thay thế chứa cà phê)	4.710	52.080	-
Chế phẩm thành phần cơ bản từ chiết xuất, tinh chất cà phê	442.131	284.777	-35,59%
Chưa rang đã khử cafein	135.616	-	-100,00%
Tinh chất, chiết xuất cô đặc	909.797	868.068	-4,59%
Tổng	9.024.055	6.389.912	-29,19%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 4/2021**

TT	Sản phẩm	Tháng 4/2020	Tháng 4/2021	So sánh
		(USD)	(USD)	T4.2021/T4.2020
	Tổng giá trị XK	13.019.565	15.423.450	18,5%
1	Ớt	2.478.640	3.481.249	40,4%
2	Hạt mè	2.158.625	2.353.879	9,0%
3	Xoài	1.885.395	2.312.917	22,7%
4	Thanh long	257.270	867.856	237,3%
5	Chuối	561.158	663.259	18,2%
6	Khác	5.678.477	5.744.290	1,2%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 4/2021

TT	Sản phẩm	T4.2020 (USD)	T4.2021	So sánh T4.2021/T4.2020
	Tổng giá trị XK	4.149.643	8.978.351	116,4%
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	3.979.073	8.079.441	103,0%
2	Sản phẩm sắn chế biến	-	736.610	
3	Tinh bột sắn	170.570	162.300	-4,8%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 7: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hàn Quốc tháng 04/2021**

TT	Sản phẩm	T4/2020 (USD)	T4/2021 (USD)	So sánh T4.2021/T4.2020
1	Thịt khác	98.646,6	76.384,3	-23%
2	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	17.982,0		
	Tổng	116.628,6	76.384,3	-35%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan***Bảng 8: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 4/2021**

Loại sản phẩm	Tháng 4/2021 (USD)	Tháng 4/2020 (USD)	So sánh 2021/20 (%)
Cá da trơn	214.597,26	182.972,42	17,3%
Cá ngừ	289.332,00	191.950,00	50,7%
Cá rô phi	425.250,38	266.718,46	59,4%
Cua, ghẹ	35.190,50	182.458,80	-80,7%
Mực và bạch tuộc	20.832.662,38	18.811.626,20	10,7%
Tôm	30.525.074,92	27.838.034,74	9,7%
Thủy sản khác	14.523.558,40	15.048.238,37	-3,5%

Nguồn: Tổng cục Hải quan